

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày 27-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm Sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 L, Phường T, Quận Ba, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Xuân C; địa chỉ: Số 09 đường T, ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền số: 221/UQ-NHNo.MT ngày 24-9-2024) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị R; Địa chỉ: ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn B (đã chết); Địa chỉ: ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Trần Minh T; Địa chỉ: ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng

mặt).

+ Ông Trần Minh T; Địa chỉ: ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Cẩm N; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2024, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Triệu Xuân C trình bày:

Bị đơn bà Huỳnh Thị R vay vốn tại Ngân hàng N – chi nhánh huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng tín dụng số 7604-LAV-202001634 lập ngày 17 tháng 9 năm 2020, cụ thể như sau: Số tiền gốc vay: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dùng, trồng trọt, chăn nuôi; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay: 10,5 %/năm, lãi suất quá hạn bằng: 15,75 %/ năm; kỳ hạn trả lãi 03 tháng/lần; Tài sản bảo đảm: Bà Huỳnh Thị R có giao cho Ngân hàng N giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C 681973, diện tích 5107,3m², thửa đất số 30, tờ bản đồ số 6; loại đất: T+LNK; tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho hộ ông Trần Văn B vào ngày 24/02/1995 bảo đảm theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/09/2018 của Chính phủ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tại Ngân hàng N thì bị đơn bà Huỳnh Thị R đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng N và nguyên đơn Ngân hàng N cũng đã nhiều lần đến nhà cũng như gửi thông báo nợ quá hạn cho bị đơn bà Huỳnh Thị R nhưng tính đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2025 thì bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng N như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo đơn khởi kiện lập ngày 24 tháng 9 năm 2024 nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất số: C 681973, diện tích 5107,3m², thửa đất số 30, tờ bản đồ số 6; loại đất: T+LNK; tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho hộ ông Trần Văn B vào ngày 24/02/1995. Nay nguyên đơn Ngân hàng N thay đổi rút lại yêu cầu trên.

Nay nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị R phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N khoản tiền gốc vay và tiền lãi tính đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2025 theo Hợp đồng tín dụng số: 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020 là: 332.078.082 đồng (trong đó: tiền gốc vay:

200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 92.750.685 đồng; lãi quá hạn: 39.327.397 đồng) và yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị R tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, các loại phí phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện cho đến khi tất toán xong khoản vay theo hợp đồng cho Ngân hàng N.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị R sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho bà Huỳnh Thị R nhưng bà Huỳnh Thị R không có văn bản trả lời cho Tòa án. Tòa án có gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng bà R vẫn không tham gia. Sau đó, Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Huỳnh Thị R nhưng bà Huỳnh Thị R không gửi văn bản ghi ý kiến của bà Huỳnh Thị R đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ngân hàng N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu ý kiến:
Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị R phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2025 là: 332.078.082 đồng (trong đó: tiền gốc vay: 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 92.750.685 đồng; lãi quá hạn: 39.327.397 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 28 tháng 3 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Huỳnh Thị R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T, ông Trần Minh T, bà Trần Thị Cẩm N nhưng bà R, ông T, ông T và bà N vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Ngân

hàng N nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn thay đổi yêu cầu, nguyên đơn Ngân hàng N không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét đối với tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C 681973, diện tích 5107,3m², thửa đất số 30, tờ bản đồ số 6; loại đất: T+LNK; tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho hộ ông Trần Văn B vào ngày 24/02/1995 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị R trả số tiền vay tính đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với theo Hợp đồng tín dụng số 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020 thì bị đơn bà Huỳnh Thị R còn nợ số tiền gốc và tiền lãi là 332.078.082 đồng (trong đó: tiền gốc vay: 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 92.750.685 đồng; lãi quá hạn: 39.327.397 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 28 tháng 3 năm 2025 cho đến khi trả tất nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Thị R có địa chỉ tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Hội đồng xét xử thấy rằng theo Hợp đồng tín dụng số 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020, cụ thể như sau: Số tiền gốc vay: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dùng, trồng trọt, chăn nuôi; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay: 10,5 %/năm, lãi suất quá hạn bằng: 15,75 %/ năm; kỳ hạn trả lãi 03 tháng/lần. Nguyên đơn Ngân hàng N cung cấp được cho Tòa án Hợp đồng tín dụng số 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020; Phương án sử dụng vốn lập ngày 16 tháng 9 năm 2020; Bản cam kết về việc thanh toán nợ vay ngày 16/9/2020; Báo cáo đề suất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 17/9/2020 tất cả đều có chữ ký, chữ viết của bị đơn bà Huỳnh Thị R.

Sau khi ký kết hợp đồng, đối với Hợp đồng tín dụng số 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020, bị đơn bà Huỳnh Thị R đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng N— chi nhánh huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi vay vốn thì bị đơn bà Huỳnh Thị R đã thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng N được tiền lãi trong hạn 3.221.918 đồng, chưa thanh toán tiền gốc.

Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn bà Huỳnh Thị R có giao kết hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng N để vay số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020. Các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, Hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay bị đơn bà Huỳnh Thị R đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết. Tính đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với Hợp đồng tín dụng số 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020, bị đơn bà Huỳnh Thị R trả tiền lãi trong hạn 3.221.918 đồng, như vậy bị đơn bà Huỳnh Thị R không thực hiện việc trả vốn và lãi đúng theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số: 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020 hai bên đã ký kết.

Hiện nay bị đơn bà Huỳnh Thị R còn nợ của nguyên đơn Ngân hàng N tiền gốc và tiền lãi vay tính đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với Hợp đồng tín dụng số 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020, tổng cộng là: 332.078.082 đồng (trong đó: tiền gốc vay: 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 92.750.685 đồng; lãi quá hạn: 39.327.397 đồng). Xét thấy, bị đơn bà Huỳnh Thị R đã nhận đủ tiền gốc vay 200.000.000 đồng của nguyên đơn Ngân hàng N nhưng bị đơn bà Huỳnh Thị R không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020 hai bên đã ký kết. Vì vậy, cần buộc bị đơn bà Huỳnh Thị R phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc vay 200.000.000 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N buộc bị đơn bà R trả số tiền gốc vay 200.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Ngân hàng N yêu cầu tính lãi suất trong hạn 10,5%/năm. Lãi quá hạn 15,75%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập Hợp là phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể nợ lãi tính đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2025 là 132.078.082 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn: 92.750.685 đồng; lãi quá hạn: 39.327.397 đồng).

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà bị đơn bà Huỳnh Thị R phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N là 332.078.082 đồng (trong đó: tiền gốc vay: 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 92.750.685 đồng; lãi quá hạn: 39.327.397 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí. Bị đơn bà Huỳnh Thị R được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 63; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117; khoản 2 Điều 119; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 100; Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên Ngân hàng N.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị R có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền vốn và lãi vay tính đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2025 theo Hợp đồng tín dụng số 7604-LAV-202001634 ngày 17/09/2020 là: 332.078.082 đồng (trong đó: tiền gốc vay: 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 92.750.685 đồng; lãi quá hạn: 39.327.397 đồng).

Kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2025 bị đơn bà Huỳnh Thị R còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn 15.75%/năm của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất bị đơn bà Huỳnh Thị R phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng N.

3. Ngay sau khi bị đơn bà Huỳnh Thị R thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C 681973, diện tích 5107,3m², thửa đất số 30, tờ bản đồ số 6; loại đất: T+LNK; tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho hộ ông Trần Văn B vào ngày 24/02/1995.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị R được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.919.760 đồng (*Bảy triệu, chín trăm mười chín nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng*) theo biên lai thu số 0006538 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

